

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST
Ngày: 02-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Lý.
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tô Thị Ngọc N**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Xa M, thị trấn Phú L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Phạm Ngọc N**, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Xa M, thị trấn Phú Lộc, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 31/12/2019.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (có mặt).

2.2. Ông Lê Minh H, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt).

2.3. Bà Lê Thị Huệ T, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Rẫy M, thị trấn Phú L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2019 của nguyên đơn bà Tô Thị Ngọc N và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N trình bày:

Ngày 06/11/2018 bà N có cho mẹ con bà H và chị T vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), để mua nội thất và chi tiêu gia đình, lãi suất 3%/tháng, thỏa thuận một tháng đáo hạn ngân hàng sẽ trả nợ, việc vay bà H có làm biên nhận và ký tên, còn chị T thì kiểm tiền và nhận tiền. Nhưng từ khi vay đến nay bà H, chị T không đóng lãi và trả vốn. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn gồm vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Lê Minh H và chị Lê Thị Huệ T có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ tổng cộng 24.570.000 đồng, bao gồm 20.000.000 đồng tiền vốn và 4.570.000 đồng tiền lãi (lãi tính từ ngày 06/11/2018 đến ngày 30/12/2019 làm tròn 13 tháng 24 ngày) đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm mức lãi suất theo quy định pháp luật. Tại đơn yêu cầu ngày 27/5/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần khởi kiện, không yêu cầu chị Lê Thị Huệ T cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ nêu trên.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 18/02/2020 và lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà N số tiền 20.000.000 đồng như bà N trình bày là đúng, việc vay có làm biên nhận và bà có ký tên, tuy nhiên thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, mục đích vay để cho người khác vay lại, không phải sinh hoạt gia đình, khi vay chồng và con bà là ông H, chị T không hay biết. Sau khi vay bà đóng lãi đầy đủ, đến tháng 05 năm 2019 âm lịch thì phát sinh mâu thuẫn với bà N nên ngưng đóng lãi, việc đóng lãi cũng không có giấy tờ, không người chứng kiến. Do đây là nợ riêng nên bà đồng ý trả cho bà N số tiền còn nợ vốn 20.000.000 đồng, nhưng xin trả dần số tiền còn nợ, mỗi tháng trả 1.500.000 đồng đến khi dứt nợ. Về tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bà xin không đóng lãi do hoàn cảnh khó khăn, bị người khác giật nợ.

Bị đơn ông Lê Minh H và chị Lê Thị Huệ T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 20.000.000 đồng và trả lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Rẫy M, thị trấn Phú L, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa vắng mặt bà Phạm Ngọc N, ông Lê Minh H và bà Lê Thị Huệ T, nhưng có đơn yêu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Huệ T cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ, tuy nhiên tại đơn yêu cầu ngày 27/5/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần khởi kiện, không yêu cầu chị Lê Thị Huệ T cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ. Xét yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà N và bị đơn bà H đều thống nhất, ngày 06/11/2018 có xác lập hợp đồng vay tài sản, theo đó bà H có ký vay của bà N số tiền 20.000.000 đồng vốn, đến nay chưa thanh toán. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, do bị đơn bà H thừa nhận nợ, nên nguyên đơn bà N không phải chứng minh đối với nghĩa vụ trả nợ của bà H.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên vốn gốc còn nợ, mức lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 06/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn trình bày khi vay có thỏa thuận lãi 3%/tháng nhưng bị đơn không đóng lãi, trong khi bị đơn bà H trình bày lãi 6%/tháng, bà H cho rằng đã đóng lãi kể từ khi vay khoảng một năm thì ngưng, tuy nhiên bà H cũng không chứng minh được đã đóng lãi cho nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn bà H chưa trả lãi. Do các bên không thống nhất về lãi suất và phát sinh tranh chấp nên lãi suất được quy về theo quy định pháp luật, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất 10%/năm, bằng 0,83%/tháng, lãi suất được tính như sau: Vốn vay 20.000.000 đồng x lãi suất 0,83%/tháng x 19 tháng 26 ngày (từ ngày 06/11/2018 đến ngày 02/7/2020) = 3.297.866 đồng.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn bà N yêu cầu vợ chồng bà H, ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ, do nguyên đơn cho rằng mục đích của việc vay là để mua nội thất và sinh hoạt gia đình. Ngược lại, bị đơn bà H trình bày mục đích vay để bà cho người khác vay lại và chồng bà là ông H không hay biết. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết ông H không tham gia tố tụng, không nêu quan điểm về số nợ nêu trên mà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Do các bị đơn đều không thừa nhận là nợ chung nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về nguyên đơn bà N, bản phô tô biên nhận do bà N cung cấp không thể hiện có chữ ký của ông H, không thể hiện mục đích vay, ngoài ra bà N không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện việc vay nợ nêu trên

là do vợ chồng ông H, bà H cùng thỏa thuận xác lập hoặc nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ là chưa đủ cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.4] Về thời gian trả nợ: Các đương sự không thỏa thuận được thời gian trả nợ và thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà N số tiền còn nợ 23.297.866 đồng, trong đó bao gồm vốn 20.000.000 đồng và tiền lãi 3.297.866 đồng. Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn và không chấp nhận đối với số tiền chênh lệch nguyên đơn yêu cầu số tiền 1.272.134 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật trên phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn bà N phải chịu án phí trên phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay còn nợ.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Tô Thị Ngọc N số tiền còn nợ vốn 20.000.000 đồng và tiền lãi 3.297.866 đồng, tổng vốn và lãi 23.297.866 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Ngọc N về việc đòi bị đơn ông Lê Minh H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ và không chấp nhận đối với số tiền chênh lệch nguyên đơn yêu cầu số tiền 1.272.134 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Lê Thị Huệ T cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 1.164.893 đồng (một triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi ba đồng).

Buộc nguyên đơn bà Tô Thị Ngọc N có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 614.000 đồng (sáu trăm mười bốn nghìn đồng), hoàn trả cho bà N số tiền 314.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009906 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp